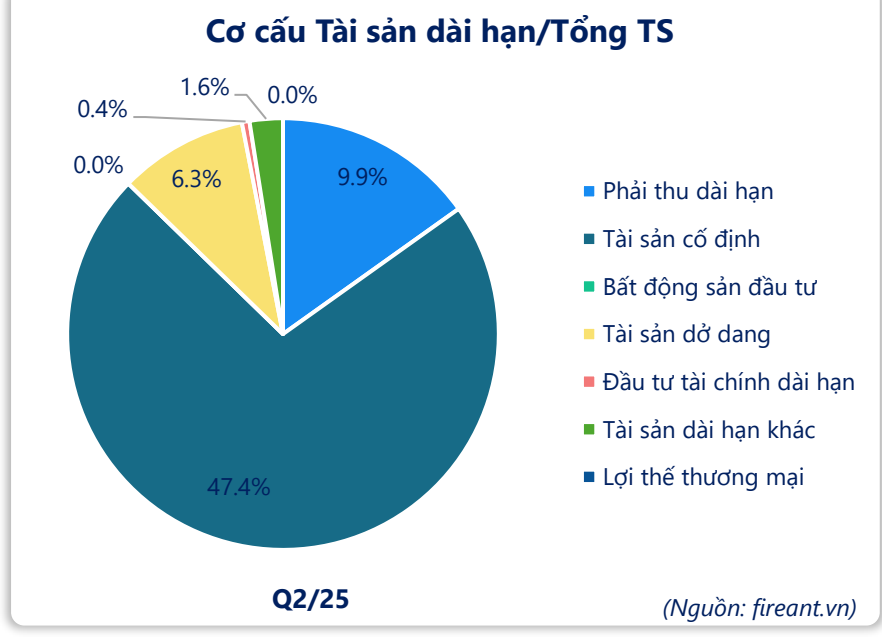
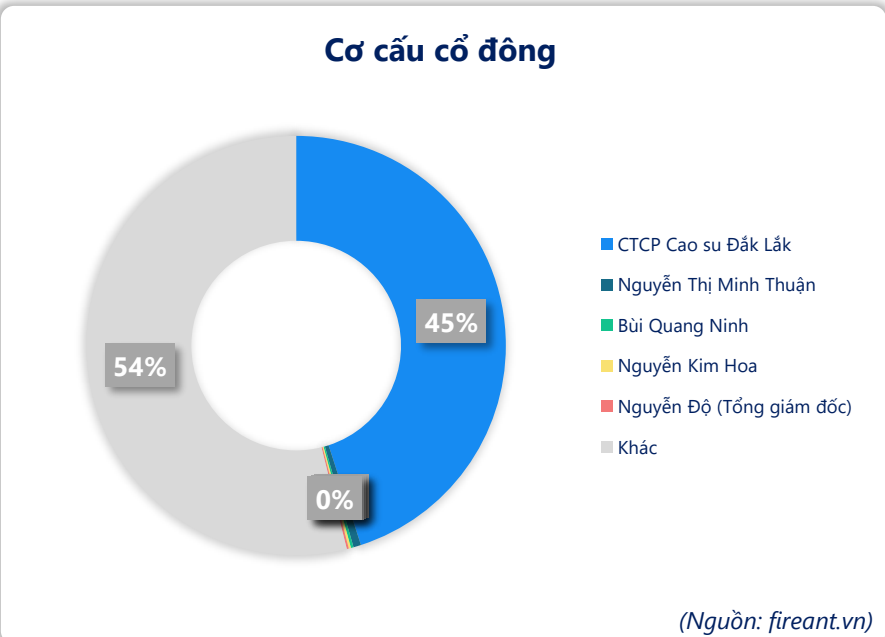
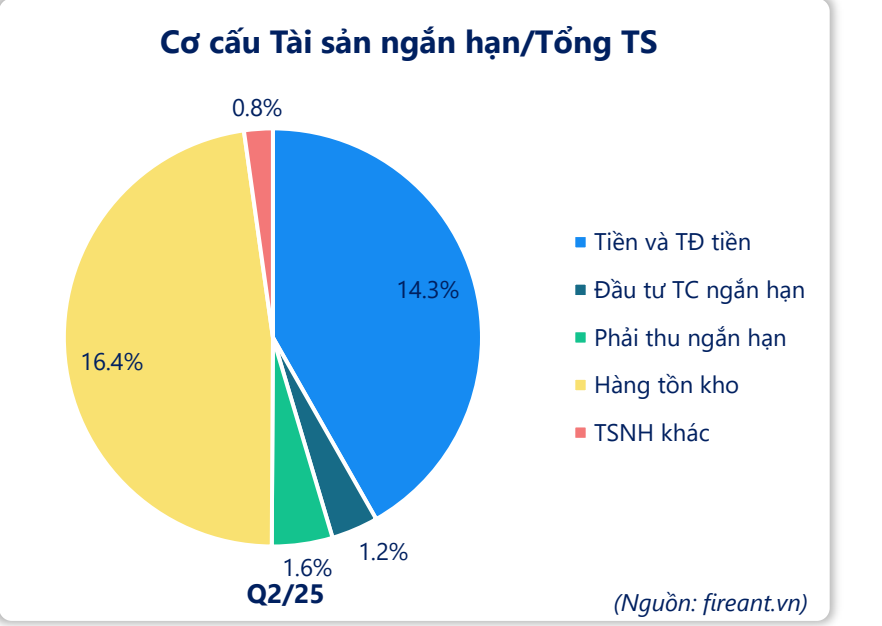
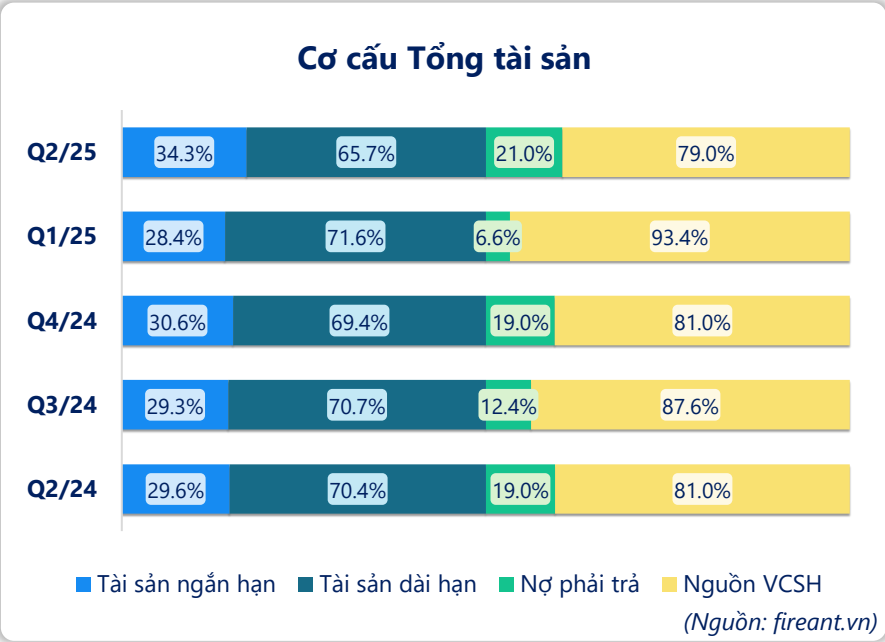
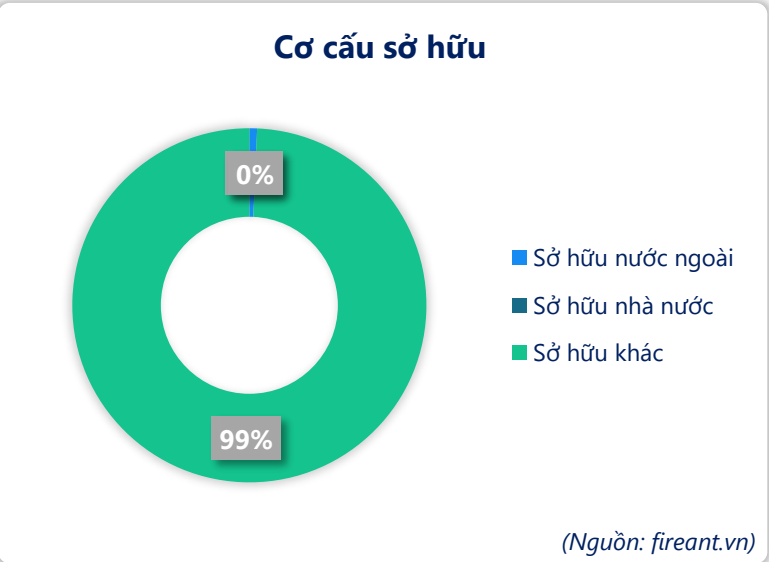
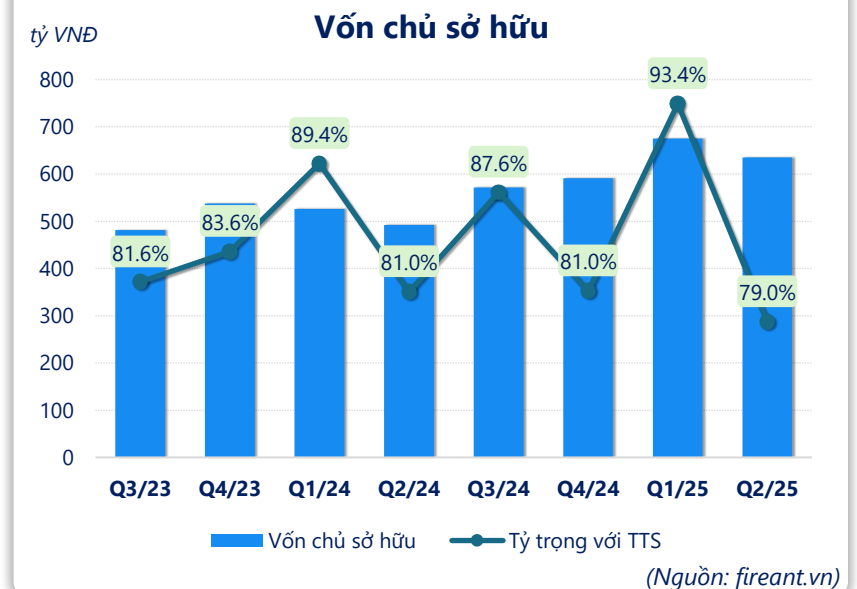
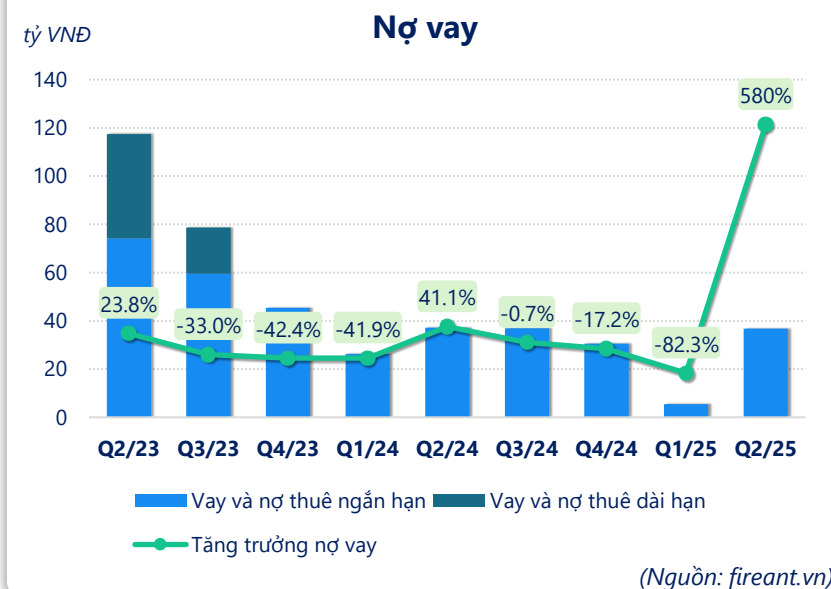
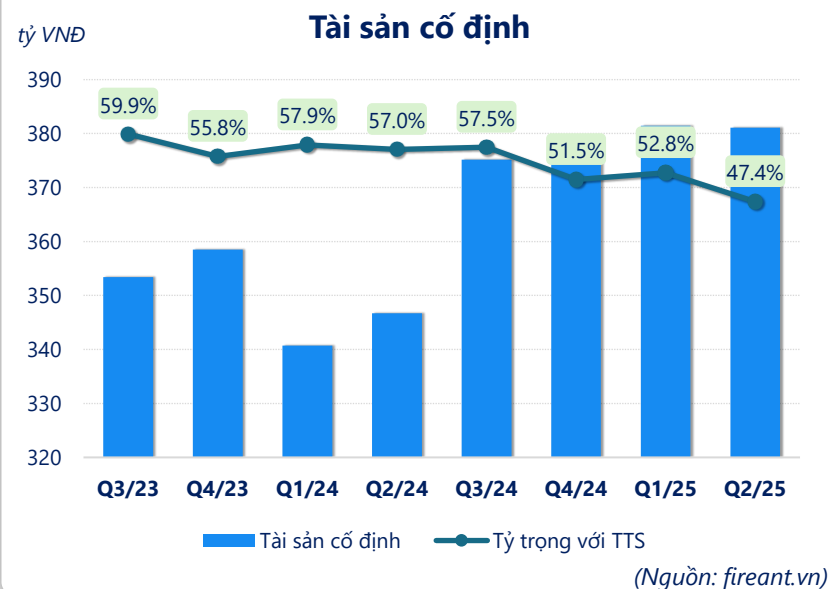
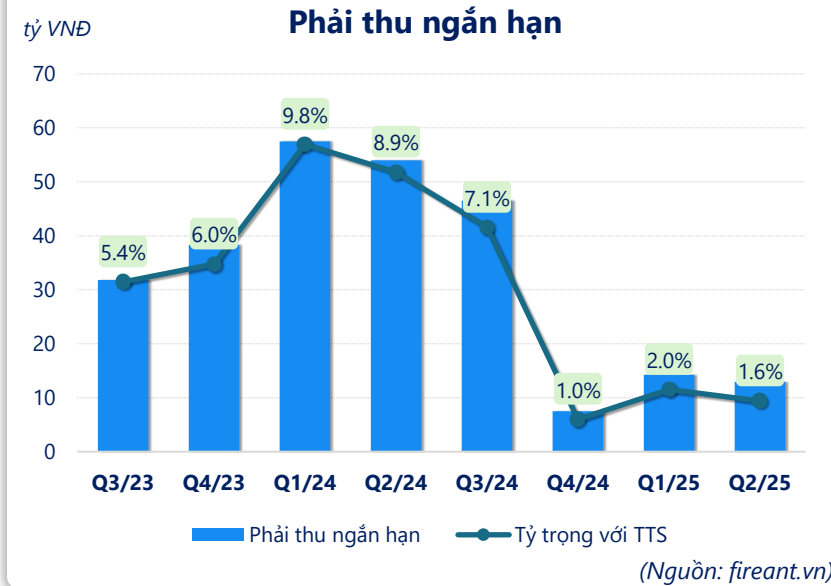
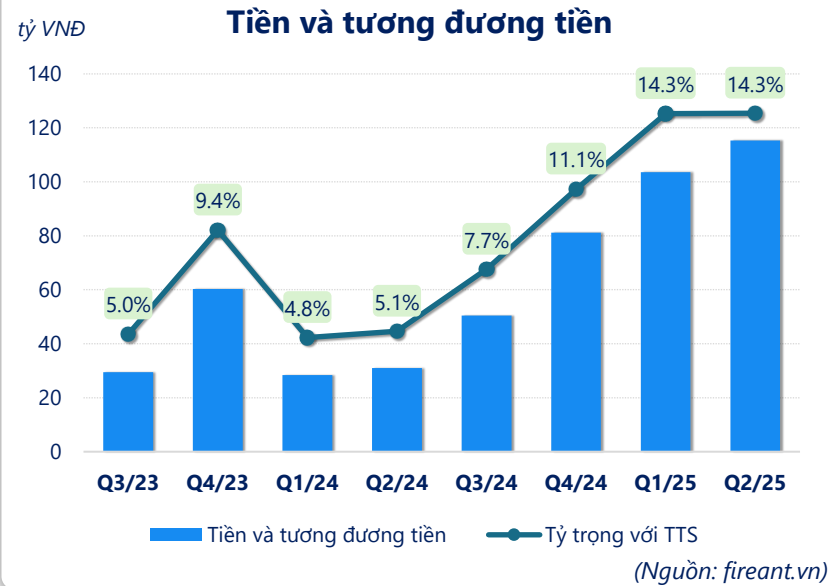
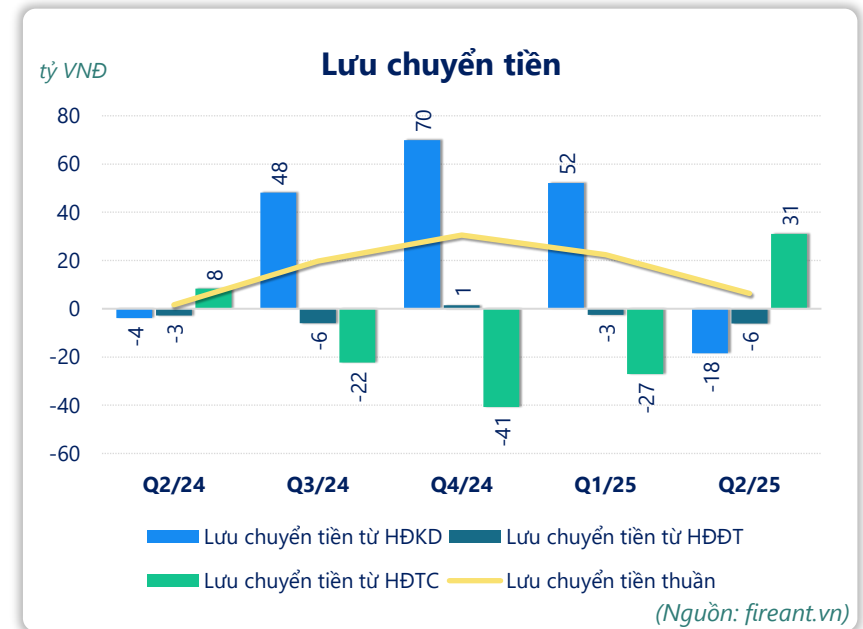
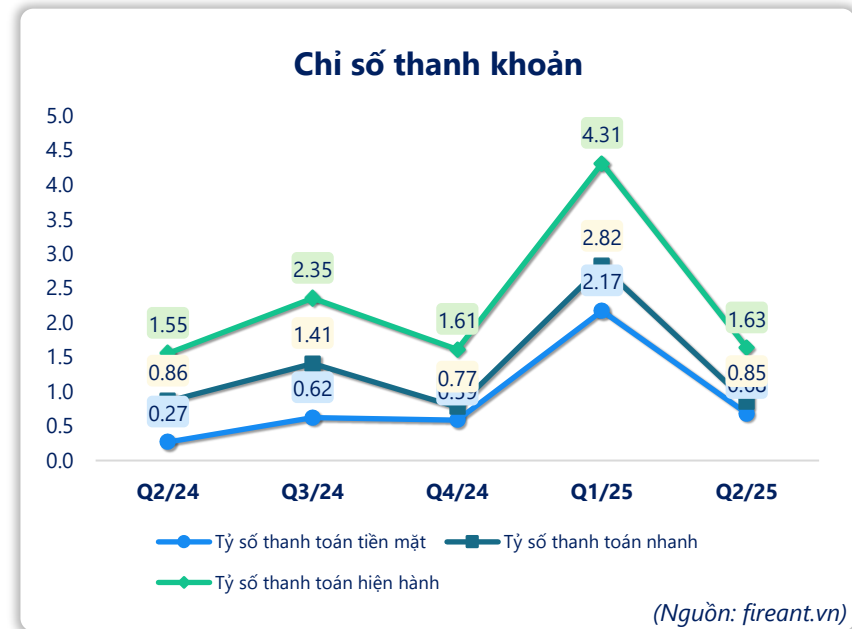
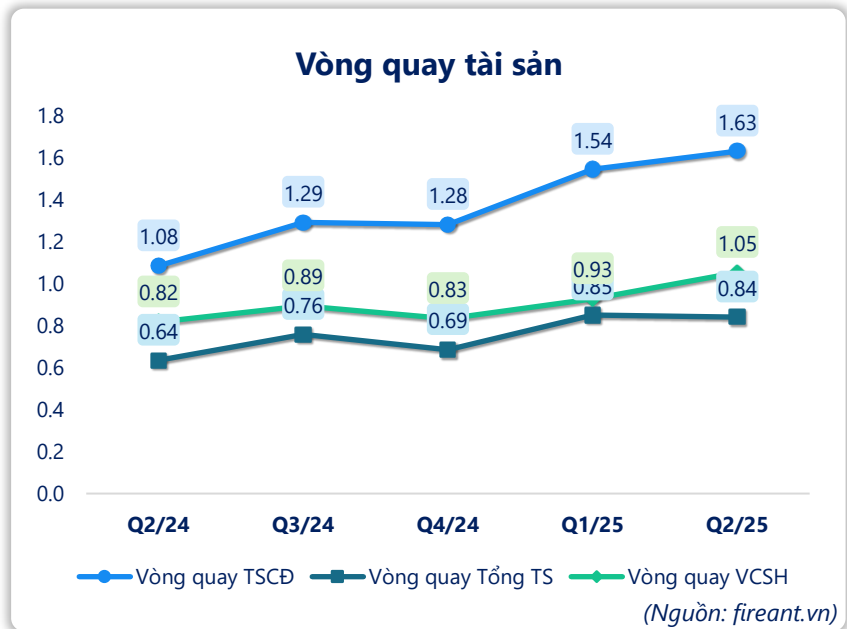
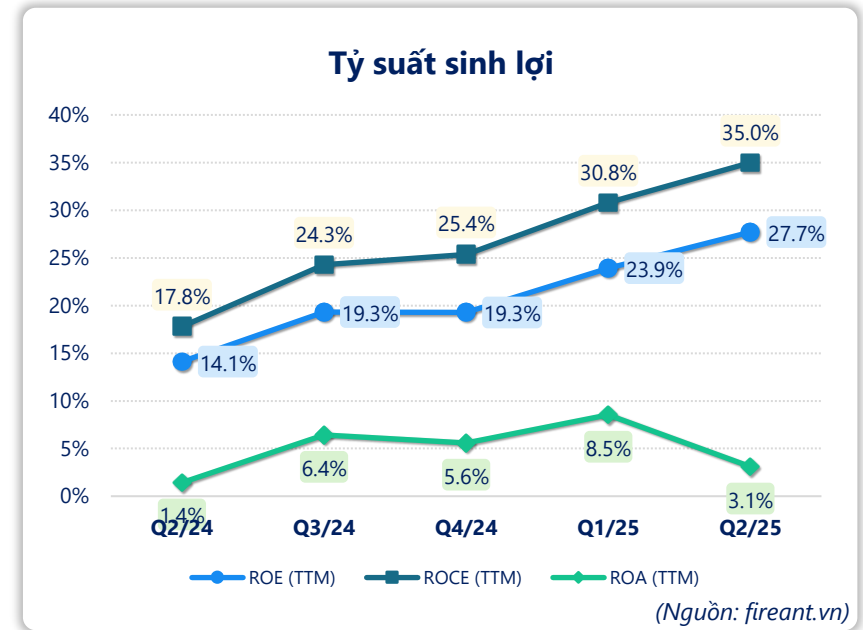
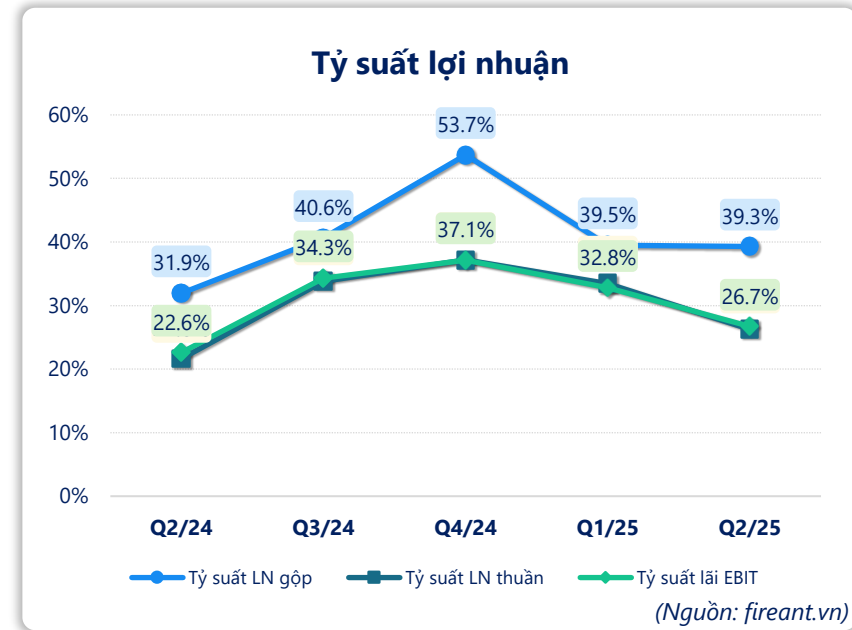
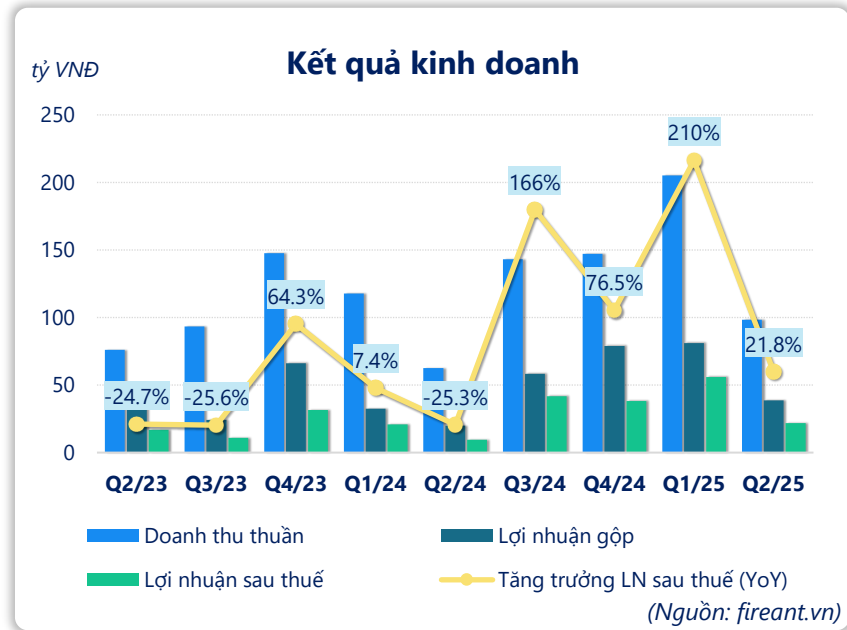


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,104
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,389
SL cổ phiếu LH		73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,367,040
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		966
P/E		6.2
EPS		2,133

	YTD	1T	3T	6T
DRI	6.9%	16.0%	-2.9%	6.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	804	729	10.3%
Tài sản ngắn hạn	276	223	23.9%
Tiền và tương đương tiền	115	81.1	42.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	13.0	6.48	100%
Hàng tồn kho	132	116	13.5%
Tài sản ngắn hạn khác	6.13	9.21	-33.4%
Tài sản dài hạn	528	506	4.3%
Phải thu dài hạn	80.0	80.0	0.0%
Tài sản cố định	381	375	1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.0	36.8	38.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	13.1	11.0	19.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	169	138	22.1%
Nợ ngắn hạn	169	138	22.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.8	30.5	20.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.9	4.10	604%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	635	591	7.5%
Vốn chủ sở hữu	635	591	7.5%
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	62.5	143	147	205	98.4
Giá vốn hàng bán	42.5	85.0	68.1	124	59.7
Lợi nhuận gộp	20.0	58.2	79.0	81.0	38.7
Doanh thu HĐTC	5.04	7.18	5.62	4.10	6.11
Chi phí TC	1.19	1.83	2.99	1.22	0.81
Chi phí lãi vay	0.61	0.93	1.12	0.30	0.35
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.74	8.31	9.82	7.46	6.48
Chi phí QLDN	5.55	6.78	17.1	7.79	11.6
LN thuần từ HĐKD	13.5	48.4	54.7	68.6	25.8
Lợi nhuận khác	0	-0.25	-1.21	-1.71	0.07
LN trước thuế	13.5	48.2	53.5	66.9	25.9
Lợi nhuận sau thuế	9.42	41.7	38.1	55.9	21.8
LNST của CĐ cty mẹ	9.47	39.9	38.4	55.9	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.84	48.1	69.9	52.1	-18.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.83	-5.93	1.43	-2.52	-6.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.31	-22.3	-40.8	-27.2	31.0
Tiền đầu kỳ	28.4	31.0	50.4	81.1	104
Lưu chuyển tiền thuần	1.65	19.8	30.5	22.4	6.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0.91	-0.37	0.15	0	5.48
Tiền cuối kỳ	31.0	50.4	81.1	104	115

(Nguồn: fireant.vn)